

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2017/DS-ST**  
Ngày 15-11-2017  
“V/v tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Kha

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Sơn

Bà Nguyễn Thị Quy

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2016/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2016, thụ lý bổ sung số 26/2017/TLST-DS ngày 30/8/2017 về việc “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2017/QĐST- DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1966, “có mặt”  
HKTT: Khu 1, ấp Suối Soong 2, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

**-Bị đơn:** Bà **Võ Thị Kim T** - sinh năm 1972, “vắng mặt”  
HKTT: Số 76, tổ 3, khu phố 114, TT. Định Quán, huyện Định Quán, Đồng Nai

**-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**  
Ông **Đoàn Văn K** – sinh năm 1966, “có mặt”  
HKTT: Khu 1, ấp Suối Soong 2, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai  
Ông **Chung Văn X**- sinh năm 1970, “vắng mặt”  
HKTT: Số 23, phố 4, ấp 3, xã Phú Lợi, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông K là vợ chồng. Bà và bà T là có quan hệ họ hàng với bà con bên chồng của bà. Số vàng và đô la mà bà cho bà T mượn là tài sản chung của vợ chồng bà.

Nguồn gốc số vàng và đô la Mỹ mà bà cho bà T mượn là do vợ chồng bà có khoảng 4 ha đất nông nghiệp chuyên canh trồng lúa một năm trồng được 3 vụ lúa và 2,3 ha đất trồng điều tại xã Phú Vinh, huyện Định Quán. Cả gia đình bà 6 thành viên (vợ chồng bà và 4 người con nhưng lúc đó còn nhỏ) đều làm nông nghiệp kèm theo buôn bán tạp hóa nhỏ trong khu dân cư vùng sâu. Thu nhập chính trong gia đình từ thu hoạch lúa, điều, chăn nuôi heo và nấu rượu đồng thời buôn bán tạp hóa nhỏ. Hàng năm sau khi thu hoạch lúa nếp và điều thì vợ chồng bà có dành dụm được một số tiền và những năm trước đây gia đình bà đều trúng lúa với giá lúa nếp hơn 4000đồng/kg nên vợ chồng bà đều dư tiền để cất trữ. Lúc đầu vợ chồng bà mua thêm đất lúa, đất rẫy. Sau đó cho mượn tiền để lấy lãi và một phần để mua vàng và đô la cất trữ để sau này lo cho các con và sửa chữa nhà cửa. Vào năm 2005 sau khi gom được đủ 1 số tiền từ thu hoạch lúa và điều bà đã đi ra tiệm vàng Thanh Bình Phúc ở Quốc lộ 20 đối diện chợ Cầu Trắng của huyện Định Quán mua đô la mỹ. Bà đã mua được 1000 đô la mỹ tổng cộng 10 tờ, mỗi tờ mệnh giá 100 đô với giá 16.000.000 đồng. Việc mua bán đô la bà không có hóa đơn chứng từ của tiệm vàng mà chỉ trả tiền Việt Nam đồng rồi nhận đô la Mỹ.

Đến đầu năm 2006 bà trúng lúa và điều nên bà có thêm tiền cất trữ và lần này bà không mua đô la mỹ nữa mà bà chuyển sang mua vàng. Bà cũng ra tiệm vàng Thanh Bình Phúc nêu trên để mua vàng. Bà đã mua vàng 2 lần ở tiệm vàng này. Lần thứ nhất bà mua 1 cây loại vàng miếng SJC 9999 và bà đã mua 1 miếng với giá 12.000.000 đồng. Lần thứ hai cách lần thứ nhất khoảng 4 tháng (sau 1 vụ lúa) bà lại ra tiệm vàng này mua tiếp 2 cây vàng loại vàng miếng SJC 9999 với giá 24.000.000 đồng. Việc mua vàng SJC 9999 cũng không có hóa đơn chứng từ gì cả. Sau khi bà mua được đô la mỹ và vàng SJC 9999 nêu trên được khoảng hơn 3 tháng thì bà T gọi điện hỏi mượn tiền. Nhưng bà nói bà không có tiền mà chỉ có vàng vậy bà T có mượn không thì bà T đồng ý mượn.

Trước khi bà cho bà T mượn vàng và đô la mỹ vào tháng 7 năm 2006 thì bà có cho bà T mượn nhiều lần tiền với số tiền tổng cộng là 90.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì nên bà cũng không kiện đòi được. Cụ thể vào năm 2004- 2005 thông qua người chị em bạn dâu của bà tên là Hương thì bà mới biết bà T là người môi giới cho vay tiền lấy lãi. Cô Hương nói với bà là chị có tiền thì đưa em để đưa cho bà T để bà T cho người khác vay kiếm tiền lời mà nuôi con. Thấy có lý nên khi trúng lúa bà không mua đất nữa mà có đưa cho cô Hương mấy lần khoảng hơn 15 triệu đồng và cô Hương có đưa cho bà T để bà T cho người khác mượn lấy lời. Bà có nhận được mấy tháng tiền lời từ cô Hương. Sau đó bà T biết bà có tiền dư nên đã trực tiếp liên hệ với bà và từ đó trong khoảng 2 năm 2004 – 2005 bà đã rất nhiều lần đưa cho bà T tiền để bà T cho người khác mượn với tổng số tiền 90 triệu đồng và có nhận từ bà T được tổng cộng khoảng 20 triệu đồng tiền lãi. Số tiền 90 triệu đồng bà T nhận từ bà không

có giấy tờ vay mượn gì cả. Bà thấy hàng tháng bà T đều đưa tiền lãi đầy đủ nên bà cũng rất tin tưởng không nghi ngờ gì. Hơn nữa bà T còn mượn tiền của rất nhiều người trong xóm bà ở mà cũng không có giấy tờ gì giống như bà nhưng đều trả lãi uy tín. Cụ thể cô Hương là chị em bạn dâu của bà đã cho bà T mượn khoảng 70-80 triệu đồng mà cũng không có giấy tờ giống như bà nên bây giờ cũng không đòi được. Một trường hợp khác là bà Tư Em ở trong xóm bà cũng cho bà T mượn 20 triệu đồng nhưng cũng không có giấy tờ và mới nhận tiền lãi được khoảng 1 tháng thì bà T bẽ nợ.

Vào năm 2006 bà T có gọi điện thoại cho bà hỏi mượn tiền mặt để giải quyết công việc và trong vòng một tuần lễ là trả. Bà có nói với bà T bà không có tiền mặt mà chỉ có vàng thì bà T có đồng ý mượn không. Bà T đồng ý mượn. Buổi sáng bà T gọi điện hỏi mượn tiền của bà thì đến buổi chiều bà T đến nhà bà để nhận vàng. Bà có giao cho bà T mượn vàng miếng SJC 9999 loại vàng miếng và tổng cộng là 3 miếng vàng SJC 9999 trị giá 03 cây. Bà T nói như vậy hụt quá không đủ để giải quyết công việc nên bà có nói vậy thì em còn 1000 đô la Mỹ chị có mượn không. Bà T đồng ý mượn và bà đã giao cho bà T mượn 1000 đô la mỹ, tổng cộng 10 tờ mệnh giá 100 đô la. Việc giao nhận vàng và đô la cho mượn giữa bà và bà T diễn ra ngay tại nhà bà và không có ai làm chứng và cũng không viết giấy tờ gì vì bà nghĩ chỉ mượn một tuần thôi là trả nên không làm giấy. Hai bên cũng không thỏa thuận trả lãi và ý định của bà cũng không lấy lãi vì bà T vay đỡ 1 tuần. Việc cho mượn vàng và đô la thì ông K chồng của bà không biết mà đến chiều ông K đi làm về bà nói cho ông K thì ông K mới biết. Ông X không vào nhà bà nhận vàng và đô la mà chỉ có một mình bà T.

Đến hạn một tuần trả nợ bà T không trả, bà T hẹn tiếp 1 tuần nữa nhưng cũng không trả được rồi lại hẹn tiếp 01 tháng sẽ trả cho bà nhưng cũng không trả nợ cho bà. Đúng hạn 01 tháng bà có ra nhà bà T để tìm bà T thì thấy mọi người ở đó rất đông và lúc đó bà mới biết bà T bị bẽ nợ. Thấy vậy đợi mọi người về hết bà mới năn nỉ bà T viết giấy nội dung mượn của bà 3 cây vàng và 1000 đô la mỹ. Bà nói với bà T nếu bà T không viết giấy mượn vàng và đô la của bà thì chồng bà là ông K sẽ giết bà chết. Lúc đó trong nhà bà T chỉ còn bà T và 1 đứa bé. Thấy bà khóc năn nỉ thì bà T đã viết giấy mượn nợ đưa cho bà. Bà khẳng định chữ ký và chữ viết trong giấy mượn vàng và đô la là của bà T tự viết. Nội dung giấy mượn vàng và đô la mỹ là tự bà T ghi theo ý của bà T chứ bà cũng không đọc cho bà T viết. Bà chỉ kịp nhìn thấy bà T ghi có chữ vàng và đô la mỹ trong tờ giấy đó thì cảm thấy yên tâm phần nào chứ bà cũng không để ý là bà T không ghi cụ thể loại vàng. Bà còn bảo bà T sao không ghi luôn cả số tiền 90.000.000 đồng bà đã cho bà T mượn trước đó thì bà T nói là khoản tiền đó từ từ rồi tính chứ bây giờ đầu óc bà áy rời rồi.

Sở dĩ bà không khởi kiện bà T trong năm 2006 và bà cũng biết việc bà T ông X bị bà Lâm Thị Miên lúc đó là cán bộ Tòa án, bà Nguyễn Thị Bích T là chủ cửa hàng điện máy Minh Châu và bà Trần Yến Quân là chủ tiệm vàng Thanh Bình Phúc đều ở thị trấn Định Quán đã cùng khởi kiện. Bà không đến Tòa mà chỉ biết được thông tin 3 người này đã dàn xếp được với bà T và ông X phải giao nhà cho họ bán để chia phần nợ. Họ còn giao lại cho bà T ông X số tiền bán nhà còn lại khoảng hơn 200 triệu đồng. Nhưng bà không khởi kiện bà T vào năm 2006 là bởi vì do không hiểu biết

pháp luật nghĩ đơn giản rằng bà T đã viết giấy nhận nợ với bà như vậy để làm tin là đủ. Hơn nữa bà T nói là người nhà nên thông cảm để từ từ bà T trả. Thêm phần ông Trai là bố đẻ của bà T cũng vô nhà bà vừa khóc vừa nói rằng con T bẽ nợ ông Trai thấy nhục nhẽ lắm nên mong vợ chồng bà thông cảm để bà T làm có tiền rồi trả sau. Hơn nữa khi bà biết bà T bán nhà trả nợ còn dư được hơn 200 triệu nghĩ là người nhà bà T sẽ dấu những chủ nợ khác mà trả cho bà. Nhưng bà không ngờ được rằng sau khi bán được nhà trả nợ thì bà T ông X đã ôm tiền bỏ đi đâu không rõ.

Khi vợ chồng bà biết tin bà T ông X không còn ở Định Quán nữa mà lại không biết đi đâu nên vợ chồng bà đã đi tìm kiếm khắp nơi nhưng chẳng tìm được. Thấy vợ chồng bà khổ sở quá nên ông Thanh (hiện nay đã chết rồi) là anh của bà T mới chỉ đường cho ông bà biết bà T ông X đang ở thị xã Thủ Dầu Một của tỉnh Bình Dương. Khoảng hơn 1 năm sau khi bà T bỏ trốn thì bà mới biết được nơi bà T ở. Bà cùng con dâu lặn lội đi tìm 2 lần thì 1 lần đầu có gặp được bà T ông X. Bà T thì khóc lóc năn nỉ bà thông cảm chờ thêm một thời gian nữa bà sẽ trả còn ông X thì buông lời đe dọa là coi chừng ông ấy. Lần thứ 2 cách lần thứ nhất gần nửa năm không thấy bà T trả nợ nên bà lại đi tìm gặp nữa nhưng lần này bà lại tìm không thấy bà T.

Khoảng mấy năm sau bà mới gặp lại bà T về lại Định Quán. Cụ thể là lần bà đi đón con đi học về ở trường Chu Văn An nên đã gặp bà T đang đứng đón con đi học về ở ngay cổng trường. Bà đòi nợ thì bà T lại tiếp tục khóc lóc năn nỉ từ từ cho bà T trả. Mấy lần tiếp theo ở cổng trường Chu Văn An bà đều gặp bà T, bà tiếp tục đòi nợ thì bà T lại khóc. Bà cùng chồng và 2 con gái đến tận nhà bà T ông X lúc đó ở xã Phú Hòa để đòi nợ nhưng không gặp bà T mà chỉ gặp ông X. Ông X nói rằng bà T thiếu nợ bà thì gặp bà T mà đòi chứ ông X không biết gì cả. Tới nhà thì không gặp bà T vì bà T đi làm nên mấy lần gặp ở ngoài đường bà đều đòi nợ bà T lại tiếp tục khất nợ. Nghĩ là họ hàng nên bà không bao giờ to tiếng và vẫn cứ tin tưởng lời bà T khất hẹn. Khi tìm được chỗ làm của bà T ở nhà nghỉ Văn Minh ở Quốc lộ 20 TT, Định Quán bà và con gái đi đến nơi bà T làm thuê để đòi nợ. Tại đây bà T lại khóc và khất nợ với bà. Lần cuối cùng vào năm 2016 bà gặp bà T đang đi xe máy từ cổng nhà bố đẻ ra quốc lộ 20. Lúc đó bà đang đi chợ Cầu Trảng về. Bà nói bà T dừng lại để nói chuyện nhưng bà T không dừng xe mà tiếp tục đi nên buộc lòng bà phải chạy xe theo và cúp ngang đầu nhưng bà T vẫn không dừng xe và vừa đi vừa chửi bà thách bà đi kiện. Bà nghĩ đến nước này không còn tình cảm bà con họ hàng gì nữa nên bà đã nộp đơn khởi kiện bà T vào cuối năm 2016.

Đối với số tiền bà cho bà cho bà T mượn là 90.000.000 đồng thì bà không khởi kiện đòi bà T vì bà không có giấy tờ gì để khởi kiện bà T trả số tiền 90 triệu đồng này cả. Bà chỉ có giấy tờ về việc bà T mượn vàng và đô la mỹ của bà nên bà mới kiện.

Thực tế loại vàng bà cho bà T mượn là vàng miếng SJC 9999 nhưng trong giấy tờ lại không ghi rõ loại vàng gì. Vì vậy bà xin chịu thiệt một phần và tự nguyện chỉ yêu cầu bà T trả cho bà loại vàng 18ka ra với số lượng là 03 (ba) lượng. Đối với 1000 đô la Mỹ thì bà không yêu cầu trả đô la Mỹ mà bà yêu cầu trả tiền Việt Nam đồng tương đương là 22.456.000 đồng theo tỷ giá của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Bà không yêu cầu bà T trả lãi. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Đối với ông Chúng Văn X thì bà có đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông X vào ngày 30/8/2017 và bà không yêu cầu ông X trả nợ cho vợ chồng bà nữa.

*Trong bản khai ngày 09/01/2017, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/3/2017, ngày 16/8/2017, biên bản làm việc ngày 14/8/2017 bị đơn bà Võ Thị Kim T trình bày:*

Bà thừa nhận giữa bà và chồng bà H có mối quan hệ là họ hàng xa. Việc bà H khởi kiện bà và ông X yêu cầu trả 3 lượng vàng 18kara và 22.600.000 đồng tương đương 1000 đô la mỹ mà bà đã mượn thì bà không đồng ý. Bởi vì bà không hề mượn vàng và đô la mỹ của bà H. Và bà cũng khẳng định từ trước tới giờ bà không vay mượn tài sản gì của bà H ông K.

Vào năm 2006 bà có nợ tiền vay của bà Miên lúc đó đang làm ở Tòa án Định Quán, bà Thủy là chủ cửa hàng điện máy Minh Châu và bà Quân là chủ tiệm vàng Thanh Bình Phúc ở chợ Cầu Trắng. Bà là người phải viết giấy vay tiền nhưng sổ đỏ cầm cho chủ nợ và người nhận tiền vay là một người khác. Họ có cho bà chút ít quà chứ không có tiền lời gì cả. Theo bà sở dĩ bà Miên bà Thủy bà Quân cho bà viết giấy nợ là vì họ chỉ biết bà. Khi người này bỏ trốn thì bà là người viết giấy vay tiền nên bà phải giao nhà cho 3 người nêu trên để bán cần trừ nợ. Còn dư lại mấy chục triệu đồng bà cũng trả nợ cho 2 người khác. Bà H có gặp bà ở cổng trường tiểu học Chu Văn An tiếp tục đòi nợ thì có sự việc đó. Nhưng bà H không đòi nợ bà mà chửi anh bà nợ vàng của bà ấy không trả nên mới chửi. Bà tức quá nên đã chửi lại. Có lần bà H gặp bà từ trong nhà bỏ để đi ra và bà H đòi nợ bà chặn xe của bà nhưng bà H không đòi nợ bà mà là lời anh bà nợ vàng của bà ấy ra nên hai bên đã cãi nhau và bà H ép xe bà.

Đối với chữ viết và chữ ký trong giấy mượn vàng và đô la mỹ có nội dung : “*tôi tên: Võ Thị Kim T tôi có mượn của vợ H 3 cây vàng + 1 ngàn đô mỹ từ ngày 23/7.DL.206 trong một tháng tôi sẽ trả cho vợ 1 cây vàng 4/9/ đến 4/10 tôi sẽ trả vợ 1 cây. Nếu có gì tôi hoàn triệu trước pháp luật*”. Người mượn ký tên T và ghi rõ họ tên Võ Thị Kim T thì chữ ký và chữ viết trong giấy này không phải của bà. Bởi vì bản thân bà chỉ mới biết tập viết gần đây và chỉ viết được theo mẫu sẵn có. Sau khi nhận được thông báo về yêu cầu giao nộp bổ sung tài liệu chứng cứ số 21 ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán thì bà đã giao nộp chứng cứ cho Tòa án vào ngày 27/02/2017 là tài liệu “Đề nghị vay vốn” ngày 30/8/2016 có chữ ký và họ tên của bà. Và cho đến nay bà không có chứng cứ nào khác để giao nộp cho Tòa án. Bà không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà. Nếu bà H ông K có yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của bà thì ông K bà H yêu cầu. Nếu kết quả giám định giấy mượn tiền là chữ viết và chữ ký của bà thì bà xin chịu trách nhiệm trả vàng và đô la cho bà H ông K. Qua kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh- Tổng cục cảnh sát đã kết luận chữ ký và chữ viết là của bà thì bà không thừa nhận. Bởi vì các giấy tờ vay mượn tiền của bà Thủy, bà Trang và bà Quân là do con nợ bỏ trốn nên bà mới phải cùng ông X bán nhà để trả nợ. Do đó bà không đồng ý trả nợ cho bà H ông K theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

*Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/3/2017 và đơn xin vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chúng Văn X trình bày:*

Ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 136/2016/TLST-DS ngày 29/12/2016 của TAND huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn. Ông là chồng của bà Võ Thị Kim T hai vợ chồng ly hôn đầu năm 2006 nhưng ông không biết là còn giữ quyết định của Tòa án không nữa. Giữa ông với bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1966 và ông Đoàn Văn K- sinh năm 1966, địa chỉ: Khu 1, ấp Suối Soong 2, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai không có quan hệ họ hàng gì cả. Về sự việc ngày 15/7/2006 thì bà H có cho bà Võ Thị Kim T vay 03 cây vàng (dạng miếng 9999, giá vàng vào thời điểm cho vay là 12.000.000đ/01 cây vàng) và 1000 đô la Mỹ (tỷ giá đô la Mỹ vào thời điểm cho vay là 16.000đ/ 01 USD). Khi bà T khát nợ với bà H thì bà T có viết giấy hẹn trong một tháng sẽ trả nợ cho bà H thì ông không biết sự việc này. Thời điểm tháng 7/2006 ông có qua Bình Dương làm ăn nên không có ở nhà và sự việc bà H đến nhà đòi nợ ngày 23/7/2006 thì ông không có biết.

Về sự việc bà T viết giấy nợ có nội dung bà T có nợ bà H 03 cây vàng và 1000 đô la mỹ, hẹn trong vòng một tháng tính từ ngày 23/7 DL 2006 bà T sẽ trả cho bà H 01 cây vàng 4/9 và hẹn đến ngày 04/10 bà T sẽ trả cho bà H 01 cây thì do thời điểm này ông đang làm ở Bình Dương nên ông không biết sự việc bà T có viết giấy hẹn nợ giữa bà T và bà H.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông và bà Võ Thị Kim T phải trả số nợ gốc là 03 cây vàng 9999 (tính theo giá vàng bán ra tại thời điểm ngày 21/11/2016 là 33.812.000 đồng /01 cây) tương đương số tiền 101.436.000 đồng và 1000 USD (tính theo tỷ giá bán USD tại thời điểm ngày 21/11/2016 là 22.600 đồng/ USD tương đương số tiền là 22.600.000 đồng), tổng cộng là 124.036.000 đồng thì ông không biết sự việc vay nợ này giữa bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị Kim T, ông không có liên quan nên ông không đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị H. Ngoài ra ông yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án vì ông bận công việc không thể đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập.

*Trong qua trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn K trình bày:* Ông thống nhất ý kiến với bà H là bà T phải trả cho ông bà 03 (ba) lượng vàng 18kara và số tiền mặt 22.456.000 đồng là trị giá quy đổi của 1000 đô la Mỹ. Ông cũng thống nhất với ý kiến của bà H là không yêu cầu ông Chứng Văn X trả nợ cho ông bà nữa.

*Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện

đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua kiểm sát quá trình thụ lý giải quyết vụ án và toàn bộ hồ sơ vụ án, nhận thấy rằng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, xác định đầy đủ, đúng các nội dung quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015, xét theo yêu cầu của bà H, cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy: Bà Nguyễn Thị H là người cho bà Võ Thị Kim T mượn số tài sản là 03 cây vàng và 1000 đô la Mỹ vào năm 2006. Theo bà H khai nhận thì đây là số tài sản chung của bà và chồng bà là ông Đoàn Văn K có được từ làm nông nghiệp là trồng lúa và làm rẫy. Vì vậy đây là tài sản thuộc sở chung của vợ chồng bà H và ông K theo quy định tại Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005. Việc vay mượn tài sản giữa bà H và bà T vào năm 2006 dựa trên giấy viết tay và sự cam kết tin tưởng lẫn nhau chứ không ký kết hợp đồng. Bà T không thừa nhận việc mượn số tài sản là 03 cây vàng và 1000 đô la Mỹ nêu trên. Tuy nhiên tại kết luận giám định số 1659/C54B ngày 01/8/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ viết và chữa ký trong giấy mượn vàng, đô la mỹ là của bà Võ Thị Kim T. Bà T không thừa nhận kết luận giám định nhưng các tài liệu được đưa đi giám định đều thể hiện việc bà T đã vay mượn tiền của bà Miên, bà Thủy, bà Quân và đã dàn xếp thỏa thuận bán nhà cho họ cản trở nợ. Hơn nữa trong biên bản ghi lời khai của bị đơn là bà Võ Thị Kim T vào ngày 09/3/2017 bị đơn có thừa nhận nếu kết quả giám định giấy mượn tiền là chữ viết và chữ ký của bị đơn thì bị đơn xin chịu trách nhiệm trả vàng và đô la Mỹ cho nguyên đơn. Như vậy việc bà Võ Thị Kim T có mượn 03 cây vàng và 1000 đô la Mỹ của bà H là hoàn toàn có cơ sở.

Đối với việc trong giấy vay chỉ ghi là 03 cây vàng nhưng không ghi rõ loại vàng gì thì nguyên đơn là bà H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông K có thống nhất tính loại vàng là vàng 18 kara có giá bán ra: 2.230.000 đồng, mua vào giá 2.130.000 đồng (theo biên bản xác minh ngày 28/7/2017). Nguyên đơn yêu cầu trả vàng nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 03 (ba) lượng vàng 18 kara. Đối với giao dịch vay mượn 1000 đô la Mỹ thì giao dịch này vi phạm điều cấm của pháp luật nên giao dịch vô hiệu. Do đó buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 22.456.000 đồng theo tỷ giá đô la mỹ do ngân hàng nhà nước công bố vào ngày 15/11/2017.

Như vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 03 (ba) lượng vàng loại vàng 18kara và số tiền 22.456.000 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra bị đơn còn phải chịu chi phí giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chịu lãi suất chậm trả tiền đối với số tiền 22.456.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Những kiến nghị là không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Chúng Văn X có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông X.

Bị đơn bà Võ Thị Kim T đã được tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của đương sự: Theo giấy mượn vàng, đô la mỹ xác định được bà Võ Thị Kim T có mượn của bà H 03 cây vàng và 1000 đô la mỹ vào năm 2006, trong 01 tháng sẽ trả nợ dần. Bà H và ông K không tranh chấp về hợp đồng vay tài sản cũng không yêu cầu trả lãi trên số nợ gốc. Do đó áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, Điều 184, 185 của BLTTDS 2015 xác định đây là tranh chấp về đòi lại tài sản thông qua giao dịch dân sự vay tài sản và không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đồng thời cũng xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Căn cứ Điều 68 của BLTTDS xác định bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn, bà Võ Thị Kim T là bị đơn, ông Chúng Văn X và ông Đoàn Văn K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Kim T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn K 03 (ba) lượng vàng 18ka ra và số tiền Việt Nam đồng là 22.456.000 đồng tương đương với 1000 đô la Mỹ (theo tỷ giá đô la Mỹ được Ngân hàng nhà nước công bố ngày 15/11/2017) tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Chúng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị H cung cấp bản chính giấy mượn vàng và đô la Mỹ có nội dung cụ thể như sau: *“tôi tên: Võ Thị Kim T tôi có mượn của mợ H 3 cây vàng + 1 ngàn đô mỹ từ ngày 23/7.DL.206 trong một tháng tôi sẽ trả cho mợ 1 cây vàng 4/9/ đến 4/10 tôi sẽ trả mợ 1 cây. Nếu có gì tôi hoàn triệu trước pháp luật”*. Người mượn ký tên T và ghi rõ họ tên Võ Thị Kim T.

Bà Võ Thị Kim T không thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy mượn vàng và đô la Mỹ là của bà. Bà T cung cấp được 01 bản chính “*Đề nghị vay vốn*” ghi ngày 30/8/2016 của bà Võ Thị Kim T. Ngoài ra bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện chữ ký và chữ viết của bà T. Bà T có ý kiến rằng bà T không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà. Bà H ông K có yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của bà T thì đó là quyền của nguyên đơn. Nếu kết quả giám định giấy mượn tiền là chữ viết và chữ ký của bà thì bà xin chịu trách nhiệm trả vàng và đô la cho bà H ông K.

Bà H đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà T. Tài liệu bản chính nêu trên của bà T cung cấp cho Tòa án cũng đã được đưa đi giám định. Tại kết luận giám định số 1659/C54B ngày 01/8/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận như sau: *“Chữ ký mang tên Võ Thị Kim T, chữ viết trên tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “Tôi tên: Võ Thị Kim T tôi có.... Võ Thị Kim T” (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên Võ Thị*

*Kim T trên 25 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M25 là chữ ký, chữ viết của cùng một người”.*

Bà T không đồng ý với kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh. Điều đó có nghĩa bà T không thừa nhận việc bà T nợ của bà Miên, bà Thủy, bà Quân. Nhưng thực tế vào năm 2006 bà T đã bị bà Miên, bà Quân và bà Thủy khởi kiện ra Tòa án trên cơ sở các giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết của bà T được lập vào năm 2006 và bà T ông X đã phải thỏa thuận với ba người này bán nhà cầm trả nợ. Giấy mượn vàng và đô la của bà H xuất trình cho Tòa án cũng thể hiện được tài liệu này lập vào năm 2006. Tất cả các tài liệu này cùng với nhiều tài liệu khác đều được cơ quan có thẩm quyền giám định và đưa ra kết luận.

Bên cạnh đó theo quy định tại Điều 91, Điều 96 BLTTDS thì bà T có nghĩa vụ chứng minh và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh. Tòa án cũng đã giải thích nghĩa vụ chứng minh cho bà T biết và có thông báo cho bà T bằng văn bản yêu cầu bà T cũng cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên bà T không cung cấp được đầy đủ chứng cứ và không chứng minh được nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận lời khai của bà Võ Thị Kim T và có đầy đủ cơ sở khẳng định bà Võ Thị Kim T đã mượn 03 cây vàng và 1000 đô la Mỹ của bà H.

Bà H tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Chúng Văn X và không yêu cầu ông X trả nợ cho vợ chồng bà. Đồng thời do trong giấy mượn vàng và đô la Mỹ chỉ ghi là 03 cây vàng mà không ghi rõ loại vàng gì nên bà H chỉ yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn K 03 (ba) lượng vàng, loại vàng 18kara và số tiền Việt Nam đồng là 22.456.000 đồng tương đương với 1000 đô la Mỹ (tỷ giá đô la Mỹ do Ngân hàng nhà nước công bố ngày 15/11/2017) tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Ông Đoàn Văn K cũng thống nhất với ý kiến của bà H. Vì vậy ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Chúng Văn X trả nợ cho bà H ông K. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc chỉ yêu cầu bà T trả cho bà H ông K là 03 (ba) lượng vàng 18ka ra.

Theo quy định tại Điều 128 BLDS 2005 thì đối với giao dịch vay ngoại tệ là 1000 đô la Mỹ thì giao dịch này vi phạm điều cấm của pháp luật nên vô hiệu. Bởi lẽ tại Điều 22 của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2013) quy định: *“Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”.*

Điều 137 BLDS 2005 quy định: *“Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật...”.*

Do đó áp dụng Điều 137 BLDS buộc bà T phải trả cho bà H ông K số nợ gốc tính ra tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Cụ thể buộc bà T phải trả cho bà H ông K số tiền 22.456.000 đồng (được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ áp dụng cho ngày 15/11/2017).

Án phí: Bà T phải chịu án phí DSST như sau: Theo giá vàng ngày 15/11/2017 thì vàng 18k có giá mua vào là 25.595.000đ/lượng và bán ra là 26.995.000 đồng/ lượng. Như vậy 03 lượng vàng 18Kara x 25.595.000 đồng /lượng = 76.785.000 đồng + 22.456.000 đồng = 99.241.000 đồng x 5% = 4.962.000 đồng (Bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Bà T phải chịu chi phí giám định là 1.200.000 đồng. Buộc bà T hoàn trả lại chi phí giám định cho bà H là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Hồng không phải chịu án phí DSST. Trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 26; Điều 68; Điều 184, 185 của BLTTDS 2015 khoản 2 Điều 161, điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012;

Áp dụng Điều 22 của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2013); Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 128, 136, 137, 219, khoản 2, Điều 305, 471, 473, 474 BLDS 2005, Điều 688 BLDS 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1)- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp đòi tài sản” của bà Nguyễn Thị H đối với bà Võ Thị Kim T về việc đòi tài sản là 03 lượng vàng 18kara.

Buộc bà Võ Thị Kim T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn K 03 (ba) lượng vàng 18kara (mười tám kara).

2)- Tuyên bố giao dịch vay 1000 đô la Mỹ giữa bà Nguyễn Thị H và bà Võ Thị Kim T là vô hiệu.

Buộc bà Võ Thị Kim T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 22.456.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3)- Buộc bà Võ Thị Kim T có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị H tiền chi phí giám định là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

4)- Về án phí: Bà Võ Thị Kim T phải chịu 4.962.000 đồng (Bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí DSST. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí là 3.100.000 đồng (Ba triệu một trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai số 001117 ngày 29/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Án xử công khai có mặt bà H, ông K, vắng mặt bà T, ông X. Báo cho bà H, ông K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bà T, ông

X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS H. Định Quán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TRỊNH THỊ KHA**